

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 12 tháng 5 năm 2025

Số: 31/KH-KSBT

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT KIÊN GIANG

Số: 889

Ngày: 13/5/2025

huyện: Kiên Giang

hồ sơ số: 1315/2025

KẾ HOẠCH

**Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên,
thanh niên năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 3261/QĐ-BYT ngày 4/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tài liệu Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ CSSKSS- nội dung CSSKSS vị thành niên và thanh niên; Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 28/8/2020 của Bộ Y tế về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về CSSKSS, sức khỏe tình dục cho VTN, thanh niên giai đoạn 2020-2025; Quyết định số 5914/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án CSSKSS, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 255/ QĐ – SYT ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2025;

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Kiên Giang xây dựng kế hoạch CSSKSS, SKTD cho VTN-TN năm 2025 như sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng SKSS, SKTD của VTN-TN góp phần đưa VTN-TN trở thành một lực lượng lao động khỏe mạnh, phát huy hết tiềm năng để đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, hướng tới đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Mục tiêu cụ thể 1: Tăng cường nhận thức của các cấp chính quyền và nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng, bao gồm cả phụ huynh, thầy cô giáo, lãnh đạo doanh nghiệp và các cán bộ y tế cung cấp dịch vụ CSSKSS, SKTD cho VTN-TN.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể 2: Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về CSSKSS, SKTD của VTN-TN và các đối tượng liên quan (cha mẹ, thầy cô, cán bộ Đoàn thanh niên,...) thông qua các hoạt động truyền thông, giáo dục và tư vấn phù hợp với đặc thù của các đối tượng, ưu tiên trong trường học, khu công nghiệp, khu chế xuất.

1.2.3. Mục tiêu cụ thể 3: Tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dịch vụ CSSKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN.

2. Địa bàn triển khai và đối tượng can thiệp

2.1. Địa bàn triển khai

15/15 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh; Các khu công nghiệp/khu chế xuất; các trường THCS/THPT; các trường nghề trên địa bàn tỉnh.

2.2. Đối tượng can thiệp

- Đối tượng can thiệp trực tiếp: Vị thành niên và thanh niên, trong đó bao gồm các nhóm đối tượng ưu tiên sau: nhóm VTN trong độ tuổi từ 10 đến 18; nhóm VTN-TN khuyết tật; nhóm VTN-TN và người trẻ dưới 30 tuổi lao động tại các khu công nghiệp/ khu chế xuất; nhóm VTN-TN có hành vi nguy cơ cao đối với SKSS, SKTD (sử dụng ma túy và các chất gây nghiện, thanh niên mại dâm,).

- Đối tượng can thiệp gián tiếp: nhân viên y tế tại các cơ sở CSSKSS; cha mẹ; thầy cô giáo; cán bộ đoàn thanh niên;

3. Phương hướng và các hoạt động chính.

3.1. Phương hướng:

Tối thiểu 50% các cơ sở chăm sóc SKSS, trường học và đơn vị doanh nghiệp của khu công nghiệp, khu chế xuất tại địa phương có các kế hoạch thực hiện chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN.

Đưa nội dung giáo dục SKSS, SKTD toàn diện phù hợp với lứa tuổi bao gồm cả kỹ năng sống liên quan đến vấn đề SKSS, SKTD vào các buổi sinh hoạt đầu tuần trong nhà trường.

Truyền thông về những nội dung cơ bản trong chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN như giáo dục giới tính, tình dục an toàn, các biện pháp tránh thai, mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn, phòng chống các bệnh NKĐSS/LTQĐTD, lây nhiễm HIV, phòng ngừa xâm hại và bạo lực tình dục, dự phòng phát hiện sớm ung thư đường sinh sản...tại các khu công nghiệp/khu chế xuất.

Mở các lớp tập huấn cho cán bộ Y tế, cho giáo viên, người quản lý doanh nghiệp được cung cấp thông tin về SKSS, SKTD VTN-TN.

3.2. Các hoạt động chính

3.2.1. Truyền thông vận động chính sách và truyền thông thay đổi hành vi

-Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của CSSKSS, SKTD đối với VTN-TN cho các cấp lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan truyền thông đại chúng nhằm tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác CSSKSS, SKTD của VTN-TN.

- Tăng cường các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông cho cộng đồng về: kiến thức CSSKSS, SKTD của VTN-TN, đặc biệt là kiến thức và thực hành đúng về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phòng

chống các bệnh LTQĐTD; tính sẵn có và địa chỉ các cơ sở cung cấp dịch vụ CSSKSS, SKTD cho VTN-TN.

- Duy trì và nhân rộng các hoạt động mô hình CSSKSS VTN-TN đã có tại địa phương.

3.2.2. Tham dự và tổ chức các lớp tập huấn, sinh hoạt chuyên đề

- Đào tạo lại cho nhân viên tế tuyến tỉnh, huyện đang làm công tác CSSKSS, SKTD cho VTN-TN, thầy cô các trường THCS, THPT, nhân viên y tế tại các doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến CSSKSS, SKTD VTN-TN.

- Tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề cho học sinh hoặc công nhân khu công nghiệp nhằm cung cấp kiến thức về CSSKSS, SKTD của VTN-TN, đặc biệt là kiến thức và thực hành đúng về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phòng chống các bệnh LTQĐTD.

- Phối hợp TTYT huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn về các nội dung CSSKSS, SKTD VTN-TN cho cán bộ tuyến xã, đoàn thanh niên, đồng đẳng viên,... tại địa phương.

- Thường xuyên cập nhật các tài liệu, hướng dẫn chuyên môn trong lĩnh vực CSSKSS, SKTD VTN-TN cho đội ngũ cán bộ y tế.

3.2.3. Tiếp cận và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ CSSKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN

- TTKSBT, Bệnh viện Đa khoa khu vực, TTYT bố trí cơ sở vật chất, phương tiện để tư vấn và cung cấp các dịch vụ CSSKSS đáp ứng nhu cầu của VTN-TN khi đến khám đảm bảo tính kín đáo, riêng tư.

- Đảm bảo các biện pháp tránh thai hiện đại ở phụ nữ độ tuổi 15-24 được đáp ứng đầy đủ.

3.2.4. Kiểm tra, giám sát

Giám sát việc triển khai và phối hợp thực hiện các hoạt động CSSKSS, SKTD cho VTN-TN lồng ghép trong hệ thống giám sát hoạt động chăm sóc SKSS.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật là đơn vị đầu mối, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch năm, tham mưu các vấn đề liên quan và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch cho Cục Bà mẹ và Trẻ em ; Sở Y tế.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các khoa phòng của Trung tâm trong triển khai thực hiện các hoạt động của kế hoạch, đặc biệt là khoa SKSS, khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng khám Đa khoa, Bệnh viện sản nhi tỉnh.

- Phối hợp với LĐLĐ hoặc Ban Giám hiệu trường THCS/THPH thực hiện buổi sinh hoạt chuyên đề học sinh/công nhân về CSSKSS, SKTD VTN-TN.

- Cử cán bộ tham dự lớp tập huấn do tuyến trên tổ chức và đào tạo lại cho các cán bộ phụ trách chương trình về CSSKSS, SKTD cho VTN-TN.

- Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động của huyện, xã. Đánh giá kết quả các hoạt động, đề xuất các giải pháp thiết thực, tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

4.2. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố

- TTYT xây dựng Kế hoạch chăm sóc SKSS VTN-TN của địa phương và tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ thêm kinh phí triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch.

- Phối hợp với các ngành, đoàn thể cùng cấp liên quan lồng ghép triển khai các hoạt động truyền thông, tư vấn về SKSS, SKTD VTN-TN; phối hợp tổ chức tốt các hoạt động câu lạc bộ gắn với sinh hoạt Đoàn.

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Phòng Giáo dục, Ban Giám hiệu các trường THCS, THPT trên địa bàn tổ chức tập huấn về CSSKSS VTN-TN, giới tính, tình bạn, tình yêu, tình dục an toàn cho VTN-TN.

- Bố trí cơ sở vật chất, phương tiện cung cấp các dịch vụ CSSKSS cho VTN-TN khi có khách hàng đảm bảo tính kín đáo, riêng tư.

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo qui định.

5. Kinh phí

Sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên của chương trình Sức khỏe sinh sản đã phê duyệt năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động CSSKSS, SKTD cho VTN-TN năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Ban Giám đốc TTKSBT (b/c);
- Phòng KH-NV;
- Bệnh viện Sản nhi (để phối hợp);
- TTYT huyện, thị xã, TP ;
- Lưu: VT, SKSS.

GIÁM ĐỐC



Trần Thế Vinh

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 631/KH-KBT ngày, 12 tháng 5 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì, KCSS
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến, phân phối, giải quyết.

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến.

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, tháng năm đề xuất ý kiến.